TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/DSST
Ngày 26-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Tân;

Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Quang Thi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 547/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95A/2025/QĐST-DS ngày 20/08/2025; quyết định hoãn phiên toà số 76/2025/QĐST-DS ngày 09/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S1.

Địa chỉ: Số B đường N, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành N - Chức vụ: Quyền tổng giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Chề Ngọc S - Chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh kiêm trưởng phòng G; địa chỉ: C đường H, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh. Uỷ quyền lại cho: Bà Phạm Thị Mỹ N1, sinh năm 1989; địa chỉ: C đường H, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh (bà N1 có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Đức P, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) (Ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản làm việc nguyên đơn Ngân hàng S1 do người đại diện trình bày:

Ngân hàng S1 (gọi tắt là S2) giao kết với ông Trần Đức P Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 366/2022 ngày 29/8/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD0000126660, ngày 13/9/2022. Theo nội dung thoả thuận thì S2 cho ông Trần Đức P vay với hạn mức là 50.000.000 đồng, với mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay tại thời điểm làm thẻ là 31,2 %/năm, việc cho vay được thực hiện theo hai hình thức, cụ thể:

Hình thức cho vay thứ nhất là hình thức cho vay từ thẻ tín dụng có thời hạn chốt nợ là ngày 10 hàng tháng, thời hạn trả 09 ngày kể từ ngày 10 của tháng phát sinh việc ông P sử dụng tiền vay (rút tiền hoặc giao dịch thanh toán bằng tiền vay…) thì ông P phải trả ít nhất là 3% trên tổng dư nợ phát sinh. Theo thỏa thuận thì lãi suất phát sinh từ số tiền vay qua hợp đồng sử dụng thẻ là 31,2 %/năm (2,6%/tháng) tính trên số tiền đã sử dụng, kể từ ngày sử dụng tiền vay;

Hình thức cho vay thứ hai là hình thức vay trên ứng dụng S2 (viết tắt là S2) thì lãi suất phát sinh từ số tiền vay là 1,2 %/tháng/trên số tiền đăng ký vay (không tính việc đã sử dụng hay chưa sử dụng), thời hạn chốt nợ là ngày 25 hàng tháng, thời hạn trả 25 ngày kể từ ngày chốt nợ, số tiền phải thanh toán hàng tháng là tổng số tiền nợ gốc và lãi chia đều cho thời hạn vay mà khách hàng đăng ký, khoản vay này có thời hạn 24 tháng kể từ ngày sử dụng tiền vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 51.839.985 đồng, trong đó khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S2 là 30.000.000 đồng, thẻ tín dụng là 21.839.985 đồng.

Thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Đối với khoản vay phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 366/2022, trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.800.000 đồng trong đó nợ gốc là 4.269.212 đồng, nợ lãi là 530.788 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển lãi quá hạn (ngày 25/5/2023). Đối với K vay tiêu dùng S2 từ ngày giải ngân ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.680.000đ trong đó bao gồm 5.800.000đ nợ gốc, 880.000đ tiền lãi. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển lãi quá hạn (ngày 25/5/2023).

Tính đến ngày 26/9/2025, ông P còn nợ S2 tổng số tiền 82.721.445 đồng cụ

thể như sau: Đối với khoản vay phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 366/2022 là: 37.631.055 đồng trong đó bao gồm nợ gốc 11.570.773 đồng, lãi trong hạn 2.704.629 đồng và lãi quá hạn 23.355.653 đồng. Nợ đối với khoản vay tiêu dùng S2 là: 45.090.390 đồng trong đó bao gồm nợ gốc 24.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.920.000 đồng, nợ lãi quá hạn 17.970.3090 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông P, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau: Buộc ông Trần Đức P phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 82.721.445 đồng. Ngoài ra ông P còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng và bản điều khoản đã giao kết.

Bị đơn ông Trần Đức P đã được Tòa án tống đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo nhưng ông P vẫn vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến của ông P và tiến hành hòa giải để các bên tự thỏa thuận được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng tới thời hạn giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ kiện: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần S1 khởi kiện ông

Trần Đức P trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 366/2022 ngày ký 29/8/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD0000126660, ngày 13/9/2022; Bị đơn ông Trần Đức P có nơi cư trú tại xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức (nay là Toà án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại khoản 3, Điều 26 và điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Trần Đức P đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần hai, nhưng tại phiên tòa ông P vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng và yêu cầu trả số tiền nợ gốc: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 366/2022 ngày ký 29/8/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD0000126660, ngày 13/9/2022, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S2 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để xác định ông Trần Đức P có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 số tiền 51.839.985 đồng, trong đó khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S2 là 30.000.000 đồng, thẻ tín dụng là 21.839.985 đồng.

Sau khi vay, tính đến nay ông Trần Đức P chỉ thanh toán được số tiền là: Đối với khoản vay phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 366/2022, trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.800.000 đồng trong đó nợ gốc là 4.269.212 đồng, nợ lãi là 530.788 đồng. Đối với K vay tiêu dùng S2 từ ngày giải ngân ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.680.000đ trong đó bao gồm 5.800.000đ nợ gốc, 880.000đ tiền lãi.

Tính đến ngày 26/9/2025, ông P còn nợ S2 tổng số tiền 82.721.445 đồng cụ thể như sau: Đối với khoản vay phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 366/2022 là: 37.631.055 đồng trong đó bao gồm nợ gốc 11.570.773 đồng, lãi trong hạn 2.704.629 đồng và lãi quá hạn 23.355.653 đồng. Nợ đối với khoản vay tiêu dùng S2 là: 45.090.390 đồng trong đó bao gồm nợ gốc 24.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.920.000 đồng, nợ lãi quá hạn 17.970.3090 đồng.

Phần xác định nợ gốc còn lại của nguyên đơn phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp; ngoài ra trong có quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Toà án thông báo, triệu tập để trình bày ý kiến, tuy nhiên bị đơn không đến Toà án, không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến nội dung vụ án. Vì vậy, căn cứ vào phần trình bày của nguyên đơn và

những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy việc Sacombank P1 yêu cầu P trả số tiền nợ gốc còn lại là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ tiền gốc như trên. Đối với tiền lãi thì theo thỏa thuận tiền lãi suất trong hạn được tính theo các hợp đồng tín dụng đã ký (lãi suất phát sinh từ số tiền vay qua hợp đồng sử dụng thẻ là 31,2 %/năm (2,6%/tháng) tính trên số tiền đã sử dụng, kể từ ngày sử dụng tiền vay; lãi suất phát sinh từ số tiền vay trên ứng dụng S2 Paylà 1,2 %/tháng/trên số tiền đăng ký vay (không tính việc đã sử dụng hay chưa sử dụng)); lãi suất quá hạn là 150% của lãi trong hạn tại thời điểm chuyển lãi quá hạn (ngày 25/5/2023) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 nên căn cứ tài liệu chứng cứ vào phần trình bày của nguyên đơn và những tài liệu chứng chứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Đức P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 82.721.445 đồng. Ngoài ra ông Trần Đức P phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán lãi suất phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả hết nợ theo quy định tại các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số và Bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 100, Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng 2024; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Trần Đức P.

Buộc ông Trần Đức P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 82.721.445đ (T mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi mốt ngàn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng) cụ thể như sau: Đối với khoản vay phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 366/2022 là 37.631.055 đồng trong đó bao gồm nợ gốc 11.570.773 đồng, lãi trong hạn 2.704.629 đồng và lãi quá hạn 23.355.653 đồng; Đối với khoản vay tiêu dùng S2 là 45.090.390 đồng trong đó bao gồm nợ gốc 24.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.920.000 đồng, nợ lãi quá hạn 17.970.3090 đồng.

Ngoài ra ông Trần Đức P còn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 khoản lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 366/2022 ngày ký 29/8/2022, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD0000126660 ngày 13/9/2022 và các bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

2. Về án phí: Ông Trần Đức P phải nộp số tiền 4.136.000đ (Bốn triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền tạm ứng án phí 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001768 ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2025) nguyên đơn được quyền kháng cáo. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Nhưng người tham gia tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Văn Tiến